

Ngày soạn: 13/12/2024

Ngày giảng: 6AB: 19/12/2024

TIẾT 18

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Sau bài kiểm tra này, học sinh sẽ có được củng cố, khắc sâu các kiến thức về:

- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên internet
- Có khả năng tìm kiếm thông tin phù hợp với nhu cầu: Làm rõ yêu cầu tìm kiếm, chọn lựa công cụ phù hợp, diễn đạt bằng từ khóa hợp lý.
- Có khả năng đánh giá và chọn lọc thông tin: Đảm bảo tính cập nhật, chính xác, phù hợp.
- Thực hiện được việc đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.

*** HS khá tốt:** HS hệ thống được các kiến thức về máy tính và cộng đồng; Mạng máy tính và Internet; Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin bằng sơ đồ.

*** HS học hòa nhập vận dụng các kiến thức:** Biết biểu tượng truy cập Internet; Biết từ khóa để tìm kiếm thông tin; Biết một số ưu điểm của thư điện tử để hoàn thiện bài kiểm tra.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết nhiệm vụ được giao.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề đưa ra trong bài học. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết các câu hỏi trong bài

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực c (NLC): tìm kiếm được thông tin từ nhiều nguồn với các chức năng đơn giản của công cụ tìm kiếm.

Năng lực d (NLd): Sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật.

Năng lực e (NLe): trao đổi thông tin và hợp tác một cách an toàn; giao lưu được trong xã hội số một cách văn hoá.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:
Trung thực: không vi phạm nội, quy chế kiểm tra.

II. CHUẨN BỊ:

1. **GV:** Đề, đáp án và thang điểm

2. **HS:** Kiến thức bài, đồ dùng học tập

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Trắc nghiệm 30%+ Tự luận 70%

IV. NỘI DUNG KIỂM TRA:

1. Phạm vi kiến thức.

- Bài 1. Thông tin và dữ liệu
- Bài 2. Xử lí thông tin
- Bài 3. Thông tin trong máy tính
- Bài 4. Mạng máy tính
- Bài 5. Internet
- Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu
- Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet
- Bài 8. Thư điện tử

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Thông tin và dữ liệu	2		1						7,5% (0,75 điểm)
		Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	2		1			1			17,5% (1,75 điểm)
2	Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	2		1	1					27,5% (2,75đ)
3	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	World Wide Web, thư điện tử và công cụ tìm kiếm thông tin	2	1	1			1		1	47,5% (4,75 điểm)
Tổng			8	1	4	1		2		1	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

II. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Thông tin và dữ liệu	Nhân biết Trong các tình huống cụ thể : – Phân biệt được thông tin với vật mang tin. (Câu 1) – Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. (Câu 2) Thông hiểu – Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin. (Câu 12) Vận dụng Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	2 (TN)	1 (TN)		
		Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	Nhân biết – Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. (Câu 3) – Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng	2(TN)	1(TN)	1(TL)	

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte. (Câu 4) Thông hiểu – Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. (Câu 10) Vận dụng – Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,... (Câu 13)				
2	Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	Nhận biết – Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. (Câu 5, 11) – Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... – Giới thiệu tóm tắt được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet. Thông hiểu – Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. (Câu 12) Câu 9;14	2(TN)	1(TN) 1TL		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng - Xác định được các thiết bị cần thiết để lắp đặt được một mạng Lan đơn giản trong phòng.				
3	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	World Wide Web, công cụ tìm kiếm thông tin	Nhận biết Trình bày được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt. (Câu 6) Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước. (Câu 7; 15) Xác định được từ khoá ứng với một mục đích tìm kiếm cho trước. Thông hiểu: Trình bày được công dụng của máy tìm kiếm. (Câu 8) Vận dụng Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, tin thời sự, ... theo yêu cầu. (C16) Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn và gửi thư, nhận và trả lời thư, đăng xuất hộp thư. Vận dụng cao	2(TN) 1TL	1(TN)	1(TL)	1(TL)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			– Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng để phục vụ cho nhu cầu học tập và cuộc sống. (C17)				
Tổng				8 (TN) 1TL	4 (TN) 1TL	2 (TL)	1 (TL)
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

ĐỀ 01

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 12

Câu 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng ví dụ về vật mang tin?

A. Sách giáo khoa.

B. Xô, chậu.

C. Thẻ nhớ.

D. Cột đèn giao thông.

Câu 2. Phương án nào sau đây chỉ ra đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin?

A. Bit.

B. Byte.

C. Kilobyte.

D. Megabyte.

Câu 3. Đơn vị đo thông tin nào là lớn nhất trong các đơn vị đo dưới đây?

A. Byte

B. Megabyte

C. Kilobyte

D. Terabyte

Câu 4. Phát biểu nào sau đây KHÔNG nêu đúng lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.

B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.

C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.

D. Cho phép chia sẻ, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 5. Phương án nào dưới đây nêu đúng tên phần mềm được sử dụng để truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet?

A. Trình chỉnh sửa web.

B. Trình duyệt web.

C. Trình thiết kế web.

D. Trình soạn thảo web.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nêu đúng đặc điểm của trang web www.google.com.vn?

A. Tìm kiếm được mọi thông tin mà ta cần tìm.

B. Cho danh sách các trang web liên quan tới chủ đề cần tìm kiếm thông qua từ khóa tìm kiếm.

C. Chỉ có khả năng tìm kiếm thông tin dạng văn bản, không tìm được thông tin dạng hình ảnh.

D. Có khả năng tìm kiếm thông tin bằng hình ảnh, không tìm kiếm được thông tin bằng giọng nói.

Câu 7. Nghe bản tin dự báo thời tiết, em biết được “ngày mai có mưa”.

Thông tin này giúp em đưa ra quyết định nào dưới đây cho việc đi học vào ngày mai?

A. Ăn sáng trước khi đến trường.

B. Đi học mang theo áo mưa.

C. Mặc đồng phục.

D. Mang đầy đủ đồ dùng học tập.

Câu 8. Trong dãy ô dưới đây, ký hiệu ô màu xám là 1, ô màu trắng là 0.

Dãy bit nào dưới đây tương ứng với dãy các ô trên ?

A. 011100110. B. 011000110. C. 011000101. D. 010101110.

Câu 9. Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

A. Trao đổi thông tin khi di chuyển.

B. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.

C. Trao đổi thông tin tốc độ cao.

D. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây nêu SAI đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.

B. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).

C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.

D. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.

Câu 11. Để tìm kiếm thông tin về trận chiến trên sông Bạch Đằng, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

A. Sông Bạch Đằng.

B. Trận chiến trên sông.

C. Trận chiến trên sông Bạch Đằng.

Câu 12. Mạng máy tính gồm các thành phần

A. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng

B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối

C. Máy tính và thiết bị kết nối

D. Máy tính và phần mềm mạng

Phần II. Tự luận (5,0đ)

Câu 13 (1,0 điểm). Giả định một bức ảnh được chụp bằng điện thoại di động có dung lượng khoảng 2MB. Em hãy điền số bức ảnh tối đa mà điện thoại có thể chứa tùy theo dung lượng của điện thoại trong bảng sau?

Dung lượng (GB)	240
Số bức ảnh	

Câu 14 (2đ). Trong học tập, em đã sử dụng máy tìm kiếm để làm những việc gì? Hãy cho ví dụ cụ thể.

Câu 15 (2đ). Em có thể kể một tình huống trong cuộc sống hàng ngày mà việc sử dụng mạng không dây đã giúp em giải quyết vấn đề một cách dễ dàng hơn không?

Phần III. Thực hành (2,0đ)

Câu 16 (1,0 điểm). Em hãy tìm thông tin về huyện Bảo Thắng trên Internet.

Câu 17 (1,0 điểm). Viết một bài giới thiệu về huyện Bảo Thắng và có hình ảnh minh họa trên cơ sở các thông tin em đã tìm được và lưu vào một tệp văn bản

Hết.

ĐỀ 02

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ) *Mỗi ý đúng được 0,25 điểm*

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 12

Câu 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng ví dụ về vật mang tin?

A. Truyện tranh.

B. USB.

C. Bát, đĩa.

D. Cột đèn giao thông.

Câu 2. Phương án nào sau đây chỉ ra đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin?

A. Terabyte

B. Byte.

C. Kilobyte.

D. Megabyte.

Câu 3. Đơn vị đo thông tin nào là lớn nhất trong các đơn vị đo dưới đây?

A. Byte

B. Megabyte

C. Kilobyte

D. Bit

Câu 4. Mạng thông tin toàn KHÔNG cung cấp dịch vụ nào sau đây?

A. Dịch vụ tra cứu thông tin trên Internet.

B. Dịch vụ chuyển phát nhanh.

C. Dịch vụ buôn bán toàn cầu.

D. Dịch vụ y tế toàn cầu.

Câu 5. Một Gigabyte tương đương với khoảng bao nhiêu Byte?

A. Một nghìn byte.

B. Một tỉ byte.

C. Một triệu byte.

D. Một nghìn tỉ byte.

Câu 6. Phương án nào dưới đây nêu đúng các thành phần của mạng máy tính?

A. Thiết bị đầu cuối và phần mềm mạng.

B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

C. Máy tính và các thiết bị kết nối.

D. Máy tính và phần mềm mạng.

Câu 7. Nghe bản tin dự báo thời tiết, em biết được “ngày mai có mưa”.

Thông tin này giúp em đưa ra quyết định nào dưới đây cho việc đi học vào ngày mai?

A. Ăn sáng trước khi đến trường.

B. Mặc đồng phục.

C. Đi học mang theo áo mưa.

D. Mang đầy đủ đồ dùng học tập.

Câu 8. Trong dãy ô dưới đây, ký hiệu ô màu xám là 1, ô màu trắng là 0.

Dãy bit nào dưới đây tương ứng với dãy các ô trên ?

A. 01110010.

B. 01010100.

C. 01100010.

D. 01010111.

Câu 9. Để tìm kiếm thông tin về Lào Cai, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

A. Lao Cai.

B. LaoCai.

C. Lào + Cai.

D. “Lào Cai”.

Câu 10. Bảng mã sau đây cho tương ứng mỗi số tự nhiên nhỏ hơn 8 với một dãy gồm 3 bit:

0	1	2	3	4	5	6	7
000	001	010	011	100	101	110	111

Dựa vào bảng mã trên hãy cho biết số 3425 được chuyển thành dãy bit nào dưới đây?

- A. 010 000 101 110.
- B. 010 000 110 101.
- C. 011 100 010 101.
- D. 011 000 110 110.

Câu 11. Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.
- B. Trao đổi thông tin tốc độ cao.
- C. Trao đổi thông tin khi di chuyển.
- D. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

Câu 12. Mạng máy tính gồm các thành phần

- A. Máy tính và phần mềm mạng
- B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối
- C. Máy tính và thiết bị kết nối
- D. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng

Phần II. Tự luận (5,0đ)

Câu 13 (1,0 điểm). Giả định một bức ảnh được chụp bằng điện thoại di động có dung lượng khoảng 2MB. Em hãy điền số bức ảnh tối đa mà điện thoại có thể chứa tùy theo dung lượng của điện thoại trong bảng sau?

Dung lượng (GB)	480
Số bức ảnh	

Câu 14 (2đ). Theo em, máy tìm kiếm có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề gì trong cuộc sống hàng ngày?

Câu 15 (2đ). Em nghĩ mạng không dây có thể được ứng dụng vào những lĩnh vực nào trong tương lai?

Phần III. Thực hành (2,0đ)

Câu 16 (1,0 điểm). Em hãy tìm thông tin về du lịch Sapa trên Internet.

Câu 17 (1,0 điểm). Viết một bài giới thiệu về du lịch Sapa và có hình ảnh minh họa trên cơ sở các thông tin em đã tìm được và lưu vào một tệp văn bản

Hết.

Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ)

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	B	C	A	D	B	B	B	C	D	B	A	D

Phần II. Tự luận (5,0đ)

Câu 13 (1,0 điểm).

Thang điểm	1đ
Dung lượng (GB)	240
Số bức ảnh	120.000

Câu 14. (2 điểm)

Giải thích các khái niệm khó hiểu: Khi gặp một từ ngữ hay khái niệm nào đó trong sách giáo khoa mà không hiểu, mình sẽ tìm kiếm trên Google để hiểu rõ hơn. Ví dụ như khi học môn Sinh học, mình thường tìm kiếm hình ảnh về cấu tạo của tế bào để dễ hình dung hơn.

Tìm bài tập và đáp án: Khi gặp bài tập khó, mình sẽ tìm kiếm trên các diễn đàn học tập hoặc các trang web cung cấp bài tập để tham khảo cách giải.

Học ngoại ngữ: Mình thường dùng các trang web học ngoại ngữ trực tuyến như Duolingo, Memrise để luyện tập từ vựng, ngữ pháp.

Học các kỹ năng mới: Mình đã từng học cách chơi đàn guitar, lập trình bằng cách xem các video hướng dẫn trên YouTube.

Câu 15 (2đ)

Làm bài tập tại nhà: Khi gặp bài tập khó, em có thể dùng điện thoại hoặc máy tính bảng kết nối Wi-Fi để tìm kiếm đáp án trên mạng, xem video hướng dẫn hoặc tham gia các diễn đàn học tập để hỏi đáp cùng các bạn khác. Nhờ đó, em có thể hiểu bài nhanh hơn và hoàn thành bài tập một cách hiệu quả.

Nghe nhạc, xem phim: Em có thể sử dụng điện thoại hoặc máy tính bảng để kết nối với loa Bluetooth, tai nghe không dây và thưởng thức âm nhạc, phim ảnh mọi lúc mọi nơi, ngay cả khi đang di chuyển.

Đặt đồ ăn trực tuyến: Thay vì phải ra ngoài mua đồ ăn, em có thể sử dụng các ứng dụng đặt đồ ăn trên điện thoại để đặt món ăn yêu thích và chờ giao hàng tận nhà.

Phần III. Thực hành (2,0đ)

Câu	Nội dung	Điểm	Tổng điểm
16	- Thực hiện các thao tác tìm kiếm với từ khóa đã cho. - Từ khóa là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung tìm kiếm.	0,5	1,0
		0,25	
		0,25	

	- Đặt từ khóa trong dấu ngoặc kép “” để thu hẹp phạm vi tìm kiếm		
17	- Lưu thông tin (lưu vào một trong các phần mềm MS Word, Notepad,	1đ	1.0

Đề số 2

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ)

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 28
(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	C	D	B	B	B	B	A	D	C	C	B	C

Phần II. Tự luận (5,0đ)

Câu 13 (1,0 điểm).

Dung lượng (GB)	480
Số bức ảnh	240.000

Câu 14. (2đ)

Máy tìm kiếm là một công cụ vô cùng hữu ích trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề khác nhau. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể: **Tìm kiếm thông tin:** Máy tìm kiếm giúp chúng ta tìm kiếm mọi thứ từ kiến thức học tập, tin tức thời sự, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, cho đến thông tin về các địa điểm, dịch vụ.

Câu 15. (2đ)

Mạng không dây trong tương lai có tiềm năng ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực, dưới đây là một số ví dụ:

Y tế:

Theo dõi sức khỏe từ xa: Các thiết bị đeo tay thông minh, cảm biến sinh trắc học kết nối không dây sẽ giúp theo dõi liên tục các chỉ số sức khỏe của bệnh nhân, gửi dữ liệu về cho bác sĩ để được tư vấn và điều trị kịp thời.

Phẫu thuật từ xa: Các bác sĩ có thể thực hiện các ca phẫu thuật phức tạp từ xa bằng cách điều khiển robot y tế thông qua mạng 5G hoặc 6G, đặc biệt hữu ích ở những vùng sâu vùng xa hoặc trong các tình huống khẩn cấp.

Giao thông:

Xe tự lái: Các xe tự lái sẽ liên tục giao tiếp với nhau và với cơ sở hạ tầng giao thông thông qua mạng không dây để đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Đèn giao thông thông minh: Hệ thống đèn giao thông sẽ điều chỉnh tín hiệu dựa trên lưu lượng giao thông thực tế, thu thập thông tin từ các cảm biến không dây trên đường.

Học tập trực tuyến: Mạng không dây sẽ tạo điều kiện cho việc học tập trực tuyến trở nên phổ biến hơn, giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt và chủ động.

Thực tế ảo và tăng cường: Học sinh có thể trải nghiệm các bài học một cách sinh động và tương tác hơn thông qua các thiết bị VR/AR kết nối không dây.

Giải trí:

Trò chơi trực tuyến: Các trò chơi trực tuyến sẽ có đồ họa chân thực hơn, trải nghiệm mượt mà hơn nhờ tốc độ cao của mạng 5G và 6G.

Trực tiếp sự kiện: Người dùng có thể xem các sự kiện thể thao, ca nhạc trực tiếp với chất lượng hình ảnh và âm thanh cao cấp.

Ngoài ra, mạng không dây còn có thể ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác như: nông nghiệp thông minh, bảo vệ môi trường, khám phá không gian,...

Phần III. Thực hành (2,0đ)

Câu	Nội dung	Điểm	Tổng điểm
16	- Thực hiện các thao tác tìm kiếm với từ khóa đã cho.	0,5	1,0
	- Từ khóa là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung tìm kiếm.	0,25	
	- Đặt từ khóa trong dấu ngoặc kép “” để thu hẹp phạm vi tìm kiếm	0,25	
17	- Lưu thông tin (lưu vào một trong các phần mềm MS Word, Notepad,	1đ	1.0

Duyệt của Ban giám hiệu

Duyệt của Tổ chuyên môn

Người ra đề

ĐỀ DÀNH CHO HS HỌC HÒA NHẬP

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ) Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Phương án nào sau đây KHÔNG nêu đúng ví dụ về vật mang tin?

A. Truyện tranh.

B. USB.

C. Bát, đĩa.

D. Cột đèn giao thông.

Câu 2. Phương án nào sau đây chỉ ra đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin?

A. Terabyte

B. Byte.

C. Kilobyte.

D. Megabyte.

Câu 3. Đơn vị đo thông tin nào là lớn nhất trong các đơn vị đo dưới đây?

A. Byte

B. Megabyte

C. Kilobyte

D. Bit

Câu 4. Mạng thông tin toàn KHÔNG cung cấp dịch vụ nào sau đây?

A. Dịch vụ tra cứu thông tin trên Internet.

B. Dịch vụ chuyển phát nhanh.

C. Dịch vụ buôn bán toàn cầu.

D. Dịch vụ y tế toàn cầu.

Câu 5. Một Gigabyte tương đương với khoảng bao nhiêu Byte?

A. Một nghìn byte.

B. Một tỉ byte.

C. Một triệu byte.

D. Một nghìn tỉ byte.

Câu 6. Phương án nào dưới đây nêu đúng các thành phần của mạng máy tính?

A. Thiết bị đầu cuối và phần mềm mạng.

B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

C. Máy tính và các thiết bị kết nối.

D. Máy tính và phần mềm mạng.

Phần II. Tự luận (7,0đ)

Câu 7. Theo em, máy tìm kiếm có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề gì trong cuộc sống hàng ngày?

Hết.

Đối với đề dành cho HS học hòa nhập

Phần I. Trắc nghiệm (3,0đ)

Lựa chọn chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu từ câu 1 đến câu 6
(Mỗi ý đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
ĐA	C	D	B	B	B	B

Phần II. Tự luận (7,0đ)

Câu 7. (7đ)

Máy tìm kiếm là một công cụ vô cùng hữu ích trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề khác nhau. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể: **Tìm kiếm thông tin:** Máy tìm kiếm giúp chúng ta tìm kiếm mọi thứ từ kiến thức học tập, tin tức thời sự, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, cho đến thông tin về các địa điểm, dịch vụ,.....

Duyệt của Ban giám hiệu

Duyệt của Tổ chuyên môn

Người ra đề